

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 916/2026/DS-ST
Ngày: 07-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Nguyễn**

2. Ông **Phạm Văn Tuyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Văn Long** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh:
Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 819/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1320/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty T (Việt Nam)**

Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phạm Thành N**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà số: 7 T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Lê Tuấn A**, sinh năm 1995

Địa chỉ: D ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn - Công ty T (Việt Nam) trình bày như sau:

Ngày 22/06/2024, Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 5614704 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A với khoản vay trị giá 24.771.000 đồng được giải ngân ngày 22/06/2024 với mức lãi suất 58%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong HĐTD cho Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A. Theo HĐTD, Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 25/07/2024 đến ngày 25/06/2027 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 3 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán 4.421.455 đồng. Trong đó:

Tổng gốc và lãi đã trả (1) =(2)+(3) (VNĐ): 4,397,358

Tổng gốc đã trả (2) (VNĐ): 686,892

Tổng lãi đã trả (3) (VNĐ): 3,712,727 (bao gồm 2,261 VNĐ tiền lãi chậm trả)

Tổng phí đã trả (4) (VNĐ): 21,836

Tổng gốc, lãi và phí đã trả (5) = (1) + (4) (VNĐ): 4.421.455

Ngày 01/10/2024 đến nay Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A thanh toán cho Công ty T1 số tiền tạm tính đến ngày 07/05/2026 là: 49.667.459 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 24.084.108 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 18.741.297 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 5.271.820 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 1.570.234 đồng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc Ông/bà Huỳnh Lê Tuấn A phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 08/05/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn - Ông Huỳnh Lê Tuấn A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Huỳnh Lê Tuấn A, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có đại chỉ cư trú tại địa bàn xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt, đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 5614704 ngày 22/6/2024 ký giữa Công ty TNHH MTV T (Việt Nam) và ông Huỳnh Lê Tuấn A:

- Số tiền vay: 23.000.000 đồng;
- Thời hạn: 36 tháng;
- Mức lãi suất trong hạn là 58%/năm (một năm là 365 ngày);
- Lãi suất quá hạn = 150% x Lãi suất trong hạn% x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày.

- Lãi chậm trả = 10% x Số tiền lãi trong hạn chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

- Mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống.

[4] Công ty T (Việt Nam) xác định:

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Huỳnh Lê Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty T (Việt Nam) kể từ ngày 01/10/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày 07/5/2026, ông Huỳnh Lê Tuấn A còn nợ Công ty T (Việt Nam) số tiền là:

- Nợ gốc: 24.084.108 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 18.741.297 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 5.271.820 đồng.
- Nợ lãi chậm trả: 1.570.234 đồng
- Tổng cộng: 49.667.459 đồng

(Bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng)

[5] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.*

[6] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam), về việc yêu cầu:

1. Buộc Bị đơn thanh toán cho Công ty T1 số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2026 là 49.667.459 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 24.084.108 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 18.741.297 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 5.271.820 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.570.234 đồng.

2. Ngoài ra Công ty còn yêu cầu cá nhân Bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 08/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng đã ký.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) được Tòa án chấp nhận nên ông Huỳnh Lê Tuấn A phải chịu 2.483.373 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

H lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 949.508 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0047162 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 90, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam).

1.1. Buộc Bị đơn Ông Nguyễn Phạm Thành N thanh toán cho Công ty T1 số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2026 là 49.667.459 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 24.084.108 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 18.741.297 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 5.271.820 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.570.234 đồng.

1.2. Ngoài ra Công ty còn yêu cầu cá nhân Bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 08/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng đã ký.

2. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Lê Tuấn A phải chịu 2.483.373 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 949.508 (sáu trăm chín mươi hai nghìn năm trăm tám mươi tám) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0047162 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 10 - TP . HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Hải